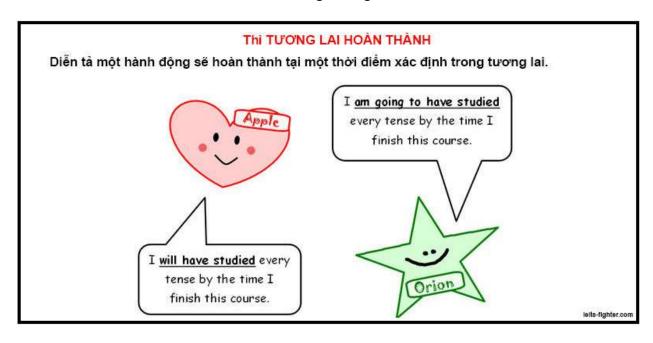
Thì tương lai hoàn thành

Tương lai hoàn thành (Future Perfect) là thì được dùng để diễn tả một hành động sẽ hoàn thành tại một thời điểm xác định trong tương lai.



1. Công thức

Dạng câu	Công thức - ví dụ
	S + will + have + Vpp
Khẳng định (+)	Ví dụ: I will have watched my favourite film at the end of this month
	S + will + not + have + Vpp
Phủ định (-)	
	Ví dụ: She will not have finished this project tomorrow
	Will + S + have + Vpp?
Nghi vấn (?)	Ví du Will you have finished this alon at the and of this
	Ví dụ: Will you have finished this plan at the end of this week?
	WCCR;

2. Cách dùng

Thì này được dùng để diễn tả một hành động sẽ hoàn thành tại một thời điểm xác định trong tương lai.

3. Dấu hiệu nhận biết

Là những cụm từ:

- by + thời gian trong tương lai.
- by the end of + thời gian trong tương lai.
- by the time...
- before + thời gian trong tương lai.

Ví dụ: Will you have come back before theo Partty